

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Trần Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	0985025667	hongminh6165@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
2	Bùi Thị Thu Thủy	Thạc sĩ	0369018018	thuthuycdsp@bacninh.edu.vn	Tổ MN, Khoa GD TH – MN	VPK TH - MN
3	Lưu Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	0976929187	thanhhuong.bn99@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH – MN	VPK TH - MN
4	Vũ Thị Ánh Ngọc	Thạc sĩ	0985133838	ducngoc1402@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
5	Nguyễn Thị Dư	Thạc sĩ	0945353459	ntd.cdspbn@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
6	Trịnh Thị Ngà	Thạc sĩ	0989129215	trinhngaspb@gmail.com	Cơ sở MN Hoa Phượng	VP Cơ sở MNHP
7	Nguyễn Thị Nhung	Thạc sĩ	0942522616	nguyenthinhung@cdspbacninh.edu.vn	Phòng Đào tạo	Tầng 1, nhà D

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

- Mã học phần: MN.MN.CN.03

- Số tín chỉ: 03

- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non Bậc đào tạo: Cao đẳng Hình thức đào tạo: Chính quy, VHVL, liên thông

- Các học phần tiên quyết: Tâm lí học Mầm non; Giáo dục học mầm non; Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lên lớp: 30

+ Thực hành: 30

+ Sinh viên tự học: 120

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Tổ GDMN, khoa GDTH - MN

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Sinh viên trình bày được đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non từ đó lựa chọn, hướng dẫn các loại bài tập thể chất cho trẻ phù hợp và đạt hiệu quả.

- Sinh viên trình bày và thực hiện tốt được kỹ thuật từng loại bài tập thể chất ở trường mầm non (bài tập phát triển chung, vận động cơ bản, đội hình đội ngũ, trò chơi vận động). Phân tích được cấu trúc kế hoạch tổ chức hoạt động thể dục buổi sáng, hoạt động học thể dục, tham quan, dạo chơi, ... ở trường mầm non.

- Xây dựng, tổ chức và phát triển chương trình giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Đồng thời lựa chọn, sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non theo hướng «lấy trẻ làm trung tâm».

- Tổ chức và quản lý được lớp học trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non, đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ, từ đó biết lồng ghép các phương pháp giáo dục tiên tiến và phù hợp với cá nhân trẻ.

3.2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

- Rèn luyện kỹ năng thực hành, tổ chức các bài tập thể chất và các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ

- Rèn luyện kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ cũng như cách tổ chức của giáo viên về lĩnh vực giáo dục thể chất

- Vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các nguyên tắc và phương pháp, hình thức, phương pháp giáo dục sớm, phát triển tư duy logic, toán học... khi tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ.

- Có kỹ năng tự tạo ra một số đồ dùng, đồ chơi và các bài thơ, câu chuyện sử dụng trong quá trình giáo dục thể chất cho trẻ.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ về lĩnh vực phát triển thể chất và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động giáo dục thể chất của giáo viên ở trường mầm non.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- NL1: Có thái độ đúng đắn về học phần, biểu hiện bằng thái độ học tập, tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo và nắm được các yêu cầu cần đạt của học phần. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao.

- NL2: Nhận thức được vai trò của giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề trong quá trình học tập.

- NL3: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học khi tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất ở trường mầm non, có tinh thần học tập nâng cao trình độ phục vụ chuyên môn nghiệp vụ. Có trách nhiệm với nghề: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

- KT1: Trình bày được đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non. (KTCN1)

- KT2: Xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển chương trình giáo dục thể chất cho trẻ mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tiếp cận, triển khai các phương pháp giáo dục sớm, tiên tiến trên thế giới. (KTCN2)

- KT3: Lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ và điều kiện của lớp, trường, địa phương, theo nguyên tắc “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. (KTCN3)

- KT4: Tổ chức, quản lý được nhóm/lớp mầm non. (KTCN4)

- KT5: Đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ và đánh giá các hoạt động giáo dục thể chất ở trường mầm non. (KTCN5)

- KT6: Giáo dục hòa nhập và giáo dục sớm cho trẻ mầm non thông qua các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ. (KTCN6)

- KT7: Giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ mầm non. (KTCN8)

- KT8: Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường cùng thực hiện chương trình giáo dục thể chất cho trẻ. (KTCN9)

- KT9: Sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các thiết bị công nghệ, thể hiện khả năng nghệ thuật trong hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. (KTCN10)

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

- KNC1: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh, phát triển chương trình giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ và điều kiện thực tế. (KNC1)

- KNC2: Quản lí nhóm/lớp mầm non. (KNC3)
- KNC3: Phân tích, đánh giá, xử lí các vấn đề và tình huống trong quá trình giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Giao tiếp, ứng xử phù hợp với trẻ. (KNC4)
- KNC4: Tiếp cận, khai thác và ứng dụng khoa học giáo dục/kĩ thuật, phương tiện, thiết bị vào quá trình giáo dục thể chất cho trẻ. (KNC5)
- KNC5: Quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ, phối hợp với cha mẹ/người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho trẻ; bảo vệ quyền trẻ em. Có năng lực đánh giá ngoài tại cơ sở giáo dục mầm non. (KNC6)

4.2.2. Về kĩ năng mềm (KNM)

- KNM1: Hợp tác, giao tiếp, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng. (KNM1)
- KNM2: Phát hiện và hòa nhập trẻ khuyết tật tại nhóm/lớp mầm non thông qua các hoạt động giáo dục thể chất. (KNM2)
- KNM3: Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất có lồng ghép giáo dục sớm và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non. (KNM3)
- KNM4: Tổ chức, sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học, góc hoạt động phát triển thể chất. (KNM4)
- KNM5: Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển thể chất cho trẻ mầm non. (KNM5)
- KNM6: Sáng tác các bài hát, bài thơ, câu chuyện phù hợp sử dụng trong các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. (KNM9)
- KNM7: Có khả năng tiếp cận các phương pháp chăm sóc, giáo dục mới, hiện đại và ứng dụng vào các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. (KNM10)
- KNM8: Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường. (KNM11)
- KNM9: Tự học, tự nghiên cứu. (KNM12)

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

- NL1: Có thái độ đúng đắn về học phần, biểu hiện bằng thái độ học tập, tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo và nắm được các yêu cầu cần đạt của học phần. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao.
- NL2: Nhận thức được vai trò của giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề trong quá trình học tập.

- + Đầy đủ hồ sơ chuyên môn khi lên lớp
- + Cung cấp Đề cương chi tiết cho sinh viên buổi đầu lên lớp
- + Cung cấp Đề cương bài giảng cho sinh viên

7. Cấu trúc, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Hình thức tổ chức dạy học Giờ		
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành	Yêu cầu SV chuẩn bị, tự học
	Chương 1: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận			1. SV <i>Nghiên cứu đề cương chi tiết học phần</i> 2. Thông kê đồ dùng, dụng cụ phục vụ hoạt động thể chất của trẻ ở trường mầm non - <i>Đọc TL [1] [2], [3]</i>
1,2	1.1. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non		LT1,2		
3	1.2. Mục đích, nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non		LT3		
4	1.3. Điều kiện, phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	LT4		<i>Đọc TL [1] [2], [3]</i> <i>Tham khảo bài tập thể dục sáng tài liệu (6)</i>
	Chương 2: Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non				
5	2.1. Bài tập đội hình đội ngũ (BTĐHĐN)		LT5		
6,7	Hướng dẫn bài tập ĐHĐN cho trẻ MN		LT6,7		
8	Thực hành tập BTĐHĐN	Phương pháp thuyết		TH1	

9,10	2.2. Bài tập phát triển chung (BTPTC)	trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận.	LT8,9		
11	Hướng dẫn BTPTC cho trẻ mầm non		LT10		
12	Thực hành BTPTC	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện		TH2	1. Luyện tập các bài tập vận động cơ bản cho trẻ mầm non - <i>Đọc TL</i> [1] [2], [3]
13	2.3. Bài tập vận động cơ bản (BTVĐCB)		LT11		
14	Nội dung BTVĐCB theo lứa tuổi		LT12		
15	Hướng dẫn BTVĐCB cho trẻ MN	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, trực quan, thực hành	LT13		
16,17	Thực hành các bài tập VĐCB	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, trực quan, thực hành		TH3,4	- <i>Đọc TL</i> [1] [2], [3] - Tích cực tập luyện các bài tập trong nội dung giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non
18	2.4. Trò chơi vận động		LT14		
19	Thực hành luyện tập BTPTC	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện		TH5	
20	Thực hành luyện tập BTVĐCB	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện		TH6	1. Sử dụng phương pháp trực quan và phương pháp dùng lời hướng dẫn trẻ mẫu giáo bài tập phát triển chung.
21	* KIỂM TRA ĐỊNH KÌ Kiểm tra SV thực hiện bài tập VĐCB			TH7	

22	Thực hành Luyện tập BTĐHĐN	chuyện		TH8	2. Nghiên cứu phương pháp dùng lời, thực hành khi giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
	Chương 3: Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện			
	3.1. Nhóm phương pháp trực quan				
23	3.1.1. Sử dụng thị giác, xúc giác, thính giác		LT15		
24	3.1.2. Mô phỏng bài tập thể chất 3.1.3. Sử dụng tài liệu trực quan	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện	LT16		Lấy được các ví dụ minh họa về phương pháp trực quan, phương pháp dùng lời, vận dụng phương pháp vào hướng dẫn trẻ 1 VĐCB
25	Thực hành nhóm phương pháp trực quan			TH9	
26	3.2. Nhóm phương pháp dùng lời		LT17		
27	Thực hành nhóm phương pháp dùng lời	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		TH10	Lấy được các ví dụ minh họa về phương pháp thực hành vận dụng phương pháp vào hướng dẫn trẻ BTPTC, VĐCB... 2. Tìm hiểu về các hình thức giáo dục thể chất ở trường mầm non - Đọc TL [1] [2], [3] - Tham khảo tài liệu (4,5,6,7)
	3.3. Nhóm phương pháp thực hành				
28	3.3.1. Luyện tập 3.3.2. Trò chơi		LT18		
29	3.3.3. Thi đua 3.3.4. Sửa chữa động tác sai	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	LT19		
30	Thực hành nhóm phương pháp thực hành			TH11	
31	Chương 4. Hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 4.1. Hoạt động học thể dục 4.1.1. Ý nghĩa 4.1.2. Cấu trúc, nội dung, cách tiến hành		LT20		

	4.1.3. Phân loại các hoạt động học thể dục 4.1.4. Lồng ghép giáo dục ATGT vào hoạt động học thể dục				
32	4.1.5. Hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức hoạt động học thể dục	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành. Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	LT21		1. Thiết kế bài thể dục sáng cho trẻ ở trường mầm non. (Chủ đề: tự chọn) - Tham khảo tài liệu (6) 2. Thiết kế hoạt động ngoại khóa hoặc trải nghiệm cho trẻ mầm non (Chủ đề, nội dung, lứa tuổi tự chọn) - Đọc TL [1] [2], [3] - Tham khảo tài liệu (4),(5), (6)
33	4.2. Thể dục sáng 4.2.1. Ý nghĩa 4.2.2. Cấu trúc, nội dung 4.2.3. Thời gian, số lượng động tác		LT22		
34	Phương pháp hướng dẫn			TH12	
35	4.3. Hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm thực tế 4.4. Thể dục chống mệt mỏi		LT23		
36	4.5. Hoạt động vận động theo nhạc 4.6: Hoạt động ngoài trời, dạo chơi, tham quan	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành. Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	LT24		1. Suu tầm các bài nhạc sôi nổi phù hợp với trẻ mầm non, từ đó thiết kế các bài tập vận động phù hợp - Tham khảo tài liệu (6) 2. Lập kế hoạch tổ chức Đại hội thể dục thể thao cho trẻ ở trường mầm non
37	4.7. Đại hội thể dục thể thao		LT25		
38	Thực hành sửa kế hoạch tổ chức hoạt động học thể dục			TH13	

39	Thực hành sửa kế hoạch tổ chức hoạt động thể dục sáng	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		TH14	- Liên hệ trước với trường tham gia dự giờ
40	* KIỂM TRA ĐỊNH KÌ - Lập kế hoạch tổ chức hoạt động thể dục sáng, hoạt động học thể dục	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		TH15	- Chuẩn bị 1 số kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.
41 - 48	Dự giờ trường mầm non - Dự giờ tổ chức hoạt động thể dục sáng ở trường mầm non - Dự giờ tổ chức hoạt động học thể dục ở trường mầm non - Dự giờ tổ chức các hoạt động vận động của trẻ ở trường mầm non - Dự giờ hoạt động dạo chơi ở trường mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		TH16 - 23	- Theo dõi, ghi chép đầy đủ tiến trình hoạt động - Viết bài thu hoạch.
49	Thực hành tập giảng hoạt động thể dục sáng	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện		TH24	- Lập kế hoạch chi tiết, đầy đủ có duyệt của giảng viên - Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, phương tiện thực hành giảng dạy
50 - 53	Thực hành tập giảng hoạt động học thể dục (Trên trẻ giả định hoặc trẻ tại CSMNHP)			TH 25 - 28	- Tập giảng kỹ lưỡng trước giờ lên lớp - Lắng nghe, tiếp thu ý kiến của giảng viên và các bạn
54	Chương 5: Đánh giá công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non 5.1. Đánh giá sự phát triển thể chất của		LT26		

	<i>trẻ</i> 5.1.1. Khái niệm, ý nghĩa 5.1.2. Nội dung đánh giá				
55,56	5.1.3. Phương pháp đánh giá 5.1.4. Hình thức đánh giá		LT27,28		
57,58	5.2. <i>Đánh giá kết quả tổ chức bài tập thể chất; hoạt động học thể dục của giáo viên mầm non</i>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện	LT29,30		Đọc tài liệu [1] [2], [3] - Tham khảo phiếu đánh giá hoạt động học thể dục cho trẻ ở trường mầm non
59	Thực hành: Thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển vận động của trẻ			TH29	
60	Thực hành: Thiết kế phiếu đánh giá kết quả tổ chức hoạt động học thể dục của giáo viên mầm non			TH30	

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính:

[1]. Vũ Thị Ánh Ngọc, Bùi Thị Thu Thủy, Trịnh Thị Ngà (2022), Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Đề cương bài giảng.

- Tài chính tham khảo:

[2]. Trịnh Thị Ngà (2016), Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3]. Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non

[4]. Bộ GD&ĐT (2015), Hướng dẫn tổ chức các hoạt động “Giáo dục phát triển vận động” cho trẻ trong trường mầm non, NXB GDVN.

[5]. Trần Thanh Hương, Trần Thị Nga, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Thu (2017), Hướng dẫn Các hoạt động Phát triển Thể Chất cho Trẻ Mầm Non, NXB GDVN.

[6]. Đặng Thị Lê Na, Đào Thị Diễm, Phạm Thị Hiền, Phan Vũ Quỳnh Nga (2019), Lập Kế hoạch Và Thiết Kế Các Hoạt Động Giáo Dục Trong Trường Mầm Non . Trẻ 24 - 36 tháng, 3 – 4 tuổi, 4 – 5 tuổi, 5- 6 tuổi, NXB GDVN

[7]. Đặng Hồng Phương (2014), Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non – dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm, NXB Giáo dục.

[8]. PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thu Hương (2019) Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3 - 36 tháng, 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi), NXB Giáo dục Việt Nam

[9]. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2019), Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non từ lọt lòng đến 6 tuổi, NXB ĐHSP.

[10]. Phùng Thị Tường, Đặng Lan Phương (2016). Trò chơi vận động và bài tập thể dục sáng cho trẻ từ 2 - 6 tuổi, NXBGD.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):* là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm
- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm

* *Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):*

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian: Theo quy định

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Ngọc

PHỤ LỤC 1

**MA TRẬN LIÊN KẾT MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
3. Mã ngành: 51140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Học phần: Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên):.....

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong Học phần
1. Phẩm chất	1.1.Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	x
		1.1.2	x
		1.1.3	x
		1.1.4	x
	1.2.Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3.Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4.Trung thực	1.4.1	x
		1.4.2	x
		1.4.3	x
	1.5.Trách nhiệm	1.5.1	x
		1.5.2	x
		1.5.3	x
		1.5.4	x
		1.5.5	x
	1.6.Tự học	1.6.1	x

		1.6.2	x
		1.6.3	x
2. Năng lực chung	2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	x
		2.1.2	x
		2.1.3	x
		2.1.4	x
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.1.5	
		2.2.1	x
		2.2.2	x
		2.2.3	x
		2.2.4	x
		2.2.5	x
		2.2.6	x
	2.2.7	x	
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	x
		2.3.2	
		2.3.3	
	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1	x
2.4.2		x	
2.4.3		x	
2.4.4		x	
2.4.5		x	

		2.4.6	x	
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x	
		2.5.2	x	
		2.5.3	x	
		2.6.1	x	
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.2	x	
		2.6.3		
	3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x
			3.1.2	x
3.1.3			x	
3.1.4			x	
3.1.5			x	
3.1.6			x	
3.1.7			x	
3.1.8			x	
3.1.9			x	
3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục		3.2.1	x	
		3.2.2	x	
		3.2.3	x	
		3.2.4	x	
		3.2.5	x	
		3.2.6	x	
		3.2.7	x	
3.3.Năng lực định hướng		3.3.1	x	
		3.3.2	x	
		3.3.3	x	
3.4. Năng lực hoạt động xã hội		3.4.1	x	
		3.4.2	x	

		3.4.3	x
	3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	x
		3.5.2	x
		3.5.3	x
		3.5.4	x
4 Năng lực nghề nghiệp	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x
		4.1.2	x
		4.1.3	x
		4.1.4	x
	4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	x
		4.2.2	x
		4.2.3	x
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	x
		4.3.2	x
		4.3.3	x
		4.3.4	x
		4.3.5	x
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x
		4.4.2	x
		4.4.3	x
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	x
		4.5.2	
		4.5.3	
	4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1	x
		4.6.2	
		4.6.3	

PHỤ LỤC 2
BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức													Kĩ năng												Năng lực tự chủ và trách nhiệm								
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành								Kĩ năng cứng						Kĩ năng mềm														
		K T Đ C 1	K T Đ C 2	K T Đ C 3	K T Đ C 4	K T Đ C 5	K T C N 1	K T C N 2	K T C N 3	K T C N 4	K T C N 5	K T C N 6	K T C N 7	K T C N 8	K T C N 9	K T C N 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1
MN. MN.C N.03	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non						X	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.